

Số: 14 /2026/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/12/2025 đến 31/12/2025 năm 2025 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BMC			BMC
19	BMI			BMI
20	BMP			BMP
21	BSI			BSI
22	BSR			BSR
23	BVH			BVH
24	BWE			BWE
25	CCL			CCL
26	CDC			CDC
27	CHP			CHP
28	CII			CII
29	CKG			CKG
30	CLC			CLC
31	CLL			CLL
32	CMG			CMG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CNG			CNG
34	CRC			CRC
35	CSM			CSM
36	CSV			CSV
37	CTD			CTD
38	CTF			CTF
39	CTG			CTG
40	CTI			CTI
41	CTR			CTR
42	CTS			CTS
43	CVT			CVT
44	D2D			D2D
45	DBC			DBC
46	DBD			DBD
47	DC4			DC4
48	DCL			DCL
49	DCM			DCM
50	DGC			DGC
51	DGW			DGW
52	DHA			DHA
53	DHC			DHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	DHG			DHG
55	DIG			DIG
56	DMC			DMC
57	DPG			DPG
58	DPM			DPM
59	DPR			DPR
60	DRC			DRC
61	DSC			DSC
62	DSE			DSE
63	DSN			DSN
64	DVP			DVP
65	DXG			DXG
66	DXS			DXS
67	EIB			EIB
68	ELC			ELC
69			EVE	EVE
70	EVF			EVF
71	FCN			FCN
72	FIR			FIR
73	FIT			FIT
74	FMC			FMC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	FPT			FPT
76	FRT			FRT
77	FTS			FTS
78	GAS			GAS
79	GDT			GDT
80	GEE			GEE
81	GEG			GEG
82	GEX			GEX
83	GMD			GMD
84	GSP			GSP
85	GVR			GVR
86	HAG			HAG
87	HAH			HAH
88	HAX			HAX
89	HCD			HCD
90	HCM			HCM
91	HDB			HDB
92	HDC			HDC
93	HDG			HDG
94	HHP			HHP
95	HHS			HHS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	HHV			HHV
97	HPG			HPG
98	HPX			HPX
99	HQC			HQC
100	HSG			HSG
101	HT1			HT1
102	HTG			HTG
103	HTI			HTI
104	HTN			HTN
105	HUB			HUB
106	HVH			HVH
107	ICT			ICT
108	IDI			IDI
109	IJC			IJC
110	ILB			ILB
111	IMP			IMP
112	ITC			ITC
113	ITD			ITD
114	KBC			KBC
115	KDC			KDC
116	KDH			KDH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	KHG			KHG
118	KHP			KHP
119	KSB			KSB
120	LBM			LBM
121	LCG			LCG
122	LHG			LHG
123	LIX			LIX
124	LPB			LPB
125	LSS			LSS
126	MBB			MBB
127	MCM			MCM
128	MIG			MIG
129	MSB			MSB
130	MSH			MSH
131	MSN			MSN
132	MWG			MWG
133	NAB			NAB
134	NAF			NAF
135	NBB			NBB
136	NCT			NCT
137	NHA			NHA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	NHH			NHH
139	NKG			NKG
140	NLG			NLG
141	NNC			NNC
142	NO1			NO1
143	NSC			NSC
144	NT2			NT2
145	NTL			NTL
146	OCB			OCB
147	ORS			ORS
148	PAC			PAC
149	PAN			PAN
150	PC1			PC1
151	PDR			PDR
152	PET			PET
153	PGC			PGC
154	PGD			PGD
155	PHC			PHC
156	PHR			PHR
157	PLX			PLX
158	PNJ			PNJ

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	POW			POW
160	PPC			PPC
161	PTB			PTB
162	PVD			PVD
163	PVP			PVP
164	PVT			PVT
165	RAL			RAL
166	REE			REE
167	SAB			SAB
168	SAM			SAM
169	SBA			SBA
170	SBG			SBG
171	SBT			SBT
172	SCR			SCR
173	SCS			SCS
174	SFG			SFG
175	SFI			SFI
176	SGN			SGN
177	SGR			SGR
178	SGT			SGT
179	SHB			SHB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180	SHI			SHI
181	SIP			SIP
182	SJD			SJD
183	SJS			SJS
184	SKG			SKG
185	SMB			SMB
186	SRC			SRC
187	SSB			SSB
188	SSI			SSI
189	ST8			ST8
190	STB			STB
191	STK			STK
192	SVC			SVC
193	SZC			SZC
194	SZL			SZL
195	TCB			TCB
196	TCH			TCH
197	TCI			TCI
198	TCL			TCL
199	TCM			TCM
200	TCO			TCO

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
201	TDC			TDC
202	TDM			TDM
203	TDP	TDP		
204	THG			THG
205	TIP			TIP
206	TLG			TLG
207	TMS			TMS
208	TPB			TPB
209	TRA			TRA
210	TRC			TRC
211	TTA			TTA
212	TV2			TV2
213	TVS			TVS
214	TYA	TYA		
215	VCB			VCB
216	VCG			VCG
217	VCI			VCI
218	VDS			VDS
219	VFG			VFG
220	VGC			VGC
221	VHC			VHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
222	VHM			VHM
223	VIB			VIB
224	VIC			VIC
225	VIP			VIP
226	VIX			VIX
227	VJC			VJC
228	VNM			VNM
229	VPB			VPB
230	VPG			VPG
231	VPI			VPI
232			VPL	VPL
233	VRC			VRC
234	VRE			VRE
235	VSC			VSC
236	VTP			VTP
237	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	CAP			CAP
4	CDN			CDN
5	CEO			CEO
6	CSC			CSC
7	DHT			DHT
8	DL1			DL1
9	DNP			DNP
10	DP3			DP3
11	DTD			DTD
12	DVM			DVM
13	DXP			DXP
14	HLD			HLD
15	HUT			HUT
16	HVT			HVT
17	IDC			IDC
18	IDV			IDV
19	IPA			IPA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
20	IVS			IVS
21	KHS			KHS
22	KSV			KSV
23	L14			L14
24	L18			L18
25	LAS			LAS
26	LHC			LHC
27	LIG			LIG
28	MBG			MBG
29	MBS			MBS
30	NAG			NAG
31	NBC			NBC
32	NDN			NDN
33	NET			NET
34	NTP			NTP
35	PGS			PGS
36	PLC			PLC
37	PPT			PPT
38	PSD			PSD
39	PSI			PSI
40	PTI			PTI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
41	PVB			PVB
42	PVC			PVC
43	PVG			PVG
44	PVI			PVI
45	PVS			PVS
46	S99			S99
47	SCG			SCG
48	SHS			SHS
49	SJE			SJE
50	SLS			SLS
51	SZB			SZB
52	TDT			TDT
53	TMB			TMB
54	TNG			TNG
55	TPP			TPP
56	TVD			TVD
57	VC3			VC3
58	VC7			VC7
59	VCS			VCS
60	VFS			VFS
61	VGS			VGS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
62	VNR			VNR
63	VTZ			VTZ

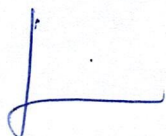
Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

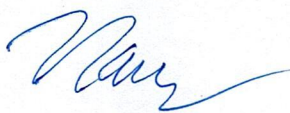
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Mai Linh

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng giám đốc



Nguyễn Vũ Long